

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định số: 23/2020/HS-GĐT  
Ngày 07 tháng 7 năm 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Phước Thanh.

*Các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm:* Bà Lê Thị Ngọc Hà và Ông Trương Minh Tuấn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lữ Thị Hằng - Thẩm tra viên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hình sự đối với:

**1. Bị cáo: Phạm Thị Thu G**, sinh năm 1982; nơi cư trú: tỉnh Quảng Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: kế toán; con ông Phạm Văn T và bà Lê Thị L; bị cáo đã có chồng, con; tiền án, tiền sự: không.

**2. Bị cáo: Nguyễn Thị Ngọc A**, sinh năm 1984, nơi cư trú: tỉnh Quảng Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: buôn bán; con ông Nguyễn Kim D và bà Nguyễn Thị H; bị cáo đã ly hôn chồng và có 01 con; tiền án, tiền sự: không.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Phạm Thị Thu G là kế toán và Nguyễn Thị Ngọc A là cán bộ văn thư của trường mẫu giáo D, huyện D, tỉnh Quảng Nam. Trong thời gian công tác từ tháng 08/2012 - tháng 3/2016, G và A đã thông đồng, sửa chữa một số tài liệu của trường như bảng lương, lập giả danh sách nhận tiền kiêm nhiệm bán trú, kiêm nhiệm công tác đoàn, tự điền thông tin và giả chữ ký của bà Phạm Thị N là hiệu trưởng và bà Lê Thị Hồng G là chủ tịch công đoàn trường mẫu giáo D vào các tài liệu giả đã lập và các hồ sơ vay vốn rồi đóng dấu làm thủ tục vay vốn ở nhiều ngân hàng và giúp 05 người khác là nhân viên ở trường cùng với 07 người không phải là nhân viên trong trường vay vốn của nhiều ngân hàng với tổng số tiền vay là 1.959.000.000 đồng. Trong đó:

- Phạm Thị Thu G tự mình giả mạo 14 hồ sơ vay (Ngân hàng Đ 05 hồ sơ, S 03 hồ sơ, A 06 hồ sơ) với số tiền vay được là 775.000.000 đồng. Trong đó, có 10 hồ sơ vay cho cá nhân G với số tiền là 465.000.000 đồng; 04 hồ sơ đứng tên Phạm Thị Kim C với số tiền là 310.000.000 đồng. Sau khi vay được tiền, G chia số tiền vay cho C; G lấy và có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng 58.000.000 đồng còn C

lấy và có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng 252.000.000 đồng.

- Nguyễn Thị Ngọc A tự mình giả mạo 15 hồ sơ vay (*Ngân hàng Đ 01 hồ sơ, A 14 hồ sơ*) với số tiền vay được là 804.000.000 đồng. Trong đó, hồ sơ vay cho cá nhân A 199.000.000 đồng; 01 hồ sơ đứng tên vay Nguyễn Thị D với số tiền 55.000.000 đồng, sau khi vay, A chia tiền vay như sau: A nhận và có nghĩa vụ trả nợ số 25.000.000 đồng cho Ngân hàng, còn lại 30.000.000 đồng D nhận và có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng. 01 hồ sơ mang tên Đặng Thị L với số tiền 40.000.000 đồng, trong đó A lấy và có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng 35.000.000 đồng, L lấy và có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng 5.000.000 đồng. 01 hồ sơ đứng tên Nguyễn Thị Hoài L1 với số tiền 40.000.000 đồng, trong đó A lấy và có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng 20.000.000 đồng, L1 lấy và có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng 20.000.000 đồng. 03 hồ sơ đứng tên Nguyễn Thị Thục M với số tiền 180.000.000 đồng, trong đó A nhận và có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng 60.000.000 đồng, còn lại 120.000.000 đồng M nhận và có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. 02 hồ sơ vay đứng tên Trịnh Minh D với số tiền 100.000.000 đồng, trong đó A nhận và có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng 10.000.000 đồng, còn lại 90.000.000 đồng D nhận và có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng. 01 hồ sơ đứng tên Đặng Thị Ái P với số tiền 80.000.000 đồng, trong đó A nhận 40.000.000 đồng và 40.000.000 đồng P nhận; 01 hồ sơ đứng tên Ngô Thị H với số tiền 60.000.000 đồng trong đó A nhận 30.000.000 đồng và H nhận 30.000.000 đồng.

- Phạm Thị Thu G và Nguyễn Thị Ngọc A cùng giả mạo 10 hồ sơ vay vốn (*Ngân hàng Đ 03 hồ sơ, A 03 hồ sơ, S 04 hồ sơ*) với số tiền vay được là 380.000.000 đồng gồm: 05 hồ sơ đứng tên A với số tiền 135.000.000 đồng. Trong đó, A nhận và có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng 95.000.000 đồng, G nhận và có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng 40.000.000 đồng. 01 hồ sơ vay đứng tên Nguyễn Thị D với số tiền 30.000.000 đồng, trong đó G lấy và có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng 10.000.000 đồng, A lấy và có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng 10.000.000 đồng, D lấy và có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng 10.000.000 đồng. 02 hồ sơ đứng tên Đinh Thị Hoa với số tiền vay là 90.000.000 đồng, trong đó A lấy và có nghĩa vụ trả nợ 45.000.000 đồng, G lấy và có nghĩa vụ trả nợ 45.000.000 đồng. 01 hồ sơ đứng tên Nguyễn Thị Hoài T với số tiền 65.000.000 đồng, trong đó G lấy và có nghĩa vụ trả nợ 30.000.000 đồng, A lấy và có nghĩa vụ trả nợ 30.000.000 đồng, T lấy và có nghĩa vụ trả nợ 5.000.000 đồng. 01 hồ sơ đứng tên Nguyễn Thị N với số tiền 60.000.000 đồng, sau khi lấy tiền, A lấy và có nghĩa vụ trả nợ 22.500.000 đồng, G lấy và có nghĩa vụ trả nợ 22.500.000 đồng, N lấy và có nghĩa vụ trả nợ 15.000.000 đồng.

Sau khi sự việc bị phát hiện, các ngân hàng Đ, S (*phòng giao dịch D*) và A (*chi nhánh D*) yêu cầu tất toán tất cả các khoản vay. Tính đến tháng 3/2017, tại Ngân hàng Đ, Phạm Thị Thu G còn nợ 20.703.110 đồng, Phạm Thị Kim C còn nợ 10.062.146 đồng, Nguyễn Thị Ngọc A 2.598.920 đồng; Tại ngân hàng S, Nguyễn Thị Ngọc A còn nợ 32.718.000 đồng, C còn nợ 23.356.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 22/CT-VKS-HS ngày 27/4/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam truy tố Phạm Thị Thu G và Nguyễn Thị Ngọc A về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức*” theo điểm a, b khoản 2 Điều 267 BLHS năm 1999.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2019/HSST ngày 26/6/2019, Tòa án nhân

dân huyện D, tỉnh Quảng Nam tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Thu G và Nguyễn Thị Ngọc A phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm a,b khoản 2 Điều 341, điểm b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm c khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015 xử phạt Phạm Thị Thu G 15 tháng tù.

Áp dụng điểm a,b khoản 2 Điều 341, điểm b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm c khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015 xử phạt Nguyễn Thị Ngọc A 12 tháng tù.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí, quyền kháng cáo và các nội dung khác theo luật định.

Trong thời hạn luật định, Phạm Thị Thu G và Nguyễn Thị Ngọc A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, G và A xin rút toàn bộ kháng cáo nên tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 46/QĐ-VC2 ngày 16/4/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm nêu trên để điều tra lại đối với Phạm Thị Thu G và Nguyễn Thị Ngọc A về tội “*Giả mạo trong công tác*”.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Phạm Thị Thu G được tuyển dụng và bổ nhiệm vào ngạch viên chức theo Quyết định tuyển dụng số 697/QĐ-SNV ngày 01/9/2011 của Sở nội vụ tỉnh Quảng Nam; Nguyễn Thị Ngọc A là cán bộ Hợp đồng không xác định thời hạn theo hợp đồng lao động số 133/HĐ-UBND ngày 01/01/2013, giữa Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D với Nguyễn Thị Ngọc A. Quá trình thực hiện nhiệm vụ G được phân công làm nhân viên kế toán và A được phân công làm cán bộ văn thư của trường Mẫu giáo D. Như vậy, cả G và A đều có chức vụ, quyền hạn nhất định khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại trường Mẫu giáo D theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật phòng chống tham nhũng năm 2018:

“1. ...

2. Người có chức vụ, quyền hạn là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do tuyển dụng, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó, bao gồm:

a) Cán bộ, công chức, viên chức;

....

đ) Những người khác được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ và có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó.”

[2]. Từ tháng 8/2012 đến tháng 3/2016, Phạm Thị Thu G và Nguyễn Thị Ngọc A đã lợi dụng chức trách nhiệm vụ được giao, G và A đã thông đồng, sửa

chữ bảng lương, lập giả danh sách nhận tiền kiêm nhiệm bán trú, kiêm nhiệm công tác đoàn, tự điền thông tin và giả chữ ký của bà Phạm Thị N là hiệu trưởng và bà Lê Thị Hồng G là chủ tịch công đoàn trường mẫu giáo D vào các tài liệu giả và các hồ sơ vay vốn, thủ tục tín chấp đã lập; đóng dấu trường Mẫu giáo D; thực hiện vay tiền cho cá nhân và nhiều người khác ở các chi nhánh, phòng giao dịch của Ngân hàng Đ, Ngân hàng S và Ngân hàng A tại huyện D, tỉnh Quảng Nam với tổng số tiền vay là 1.959.000.000 đồng.

Như vậy, G và A lợi dụng trách nhiệm, nhiệm vụ được giao để thực hiện hành vi làm sai lệch nội dung giấy tờ tài liệu, làm giấy tờ giả và giả mạo chữ ký của người có chức vụ, quyền hạn nhằm đạt được mục đích vay tiền là đã xâm phạm vào sự hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức; là tội phạm tham nhũng, thuộc nhóm tội phạm về chức vụ quy định tại Chương XXI của Bộ luật hình sự năm 1999. Cho nên, hành vi của G và A phải bị điều tra, truy tố và xét xử về tội “*Giả mạo trong công tác*” theo quy định tại khoản 2 Điều 284 Bộ luật hình sự năm 1999 (*nay khoản 2 Điều 359 Bộ luật hình sự năm 2015*).

Do đó, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử G và A về tội “*Làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan tổ chức*” là sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật. Vì vậy, cần phải hủy cả bản án sơ thẩm và quyết định đình chỉ phúc thẩm để điều tra lại về hành vi “*Giả mạo trong công tác*” đối với G và A.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 382; khoản 3 Điều 388; Điều 391 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 46/QĐ-VC2 ngày 16/4/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm số 309/2019/HSPT-QĐ ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2019/HSST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam để điều tra lại.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để điều tra lại theo thủ tục chung.

4. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

#### **Nơi nhận:**

- TANDTC (Vụ I);
- VKSNDCC tại Đà Nẵng (02 bản, kèm Hs vụ án);
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện D;
- VKSND huyện D;
- Cục THADS huyện D;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu các Phòng: GĐKT I; HCTP; VTLT.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Phước Thanh**

